

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 560/2024/DS-ST
Ngày: 28 - 9 - 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng dân sự,
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân và ông Nguyễn Quốc Thanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 278/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 664/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1013/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH M; địa chỉ: Lâu E, khối E, Tòa nhà Cộng Hòa G, số B C, phường A, quận T, TP ..

Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH M: Bà Hà Phương Hồng T; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Phương Hồng T: Ông Nguyễn Lê T1, sinh năm 2000; địa chỉ: Số B, ấp L, xã L, huyện C, TP ..

Bị đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ I, khu dân cư S, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Lê T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà Bùi Thị D vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Bùi Thị D có ký Hợp đồng tín dụng với Công ty T2 (được chuyển đổi từ Công ty T2) và Công ty TNHH M đã mua khoản nợ từ Công ty Tài chính. Khoản nợ của bà D cụ thể như sau: Ngày giải ngân: 14/11/2021; số tiền vay: 23.210.000 đồng; lãi suất vay: 45 %/ năm; thời hạn vay: 09 tháng; số tiền đã thanh toán: 12.396.000 đồng; ngày thanh toán cuối cùng: 05/4/2022; ngày mua nợ: 30/6/2023. Dư nợ còn lại: Nợ gốc: 13.832.174 đồng, nợ lãi: 3.225.785 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay, bà Bùi Thị D đã ký hợp đồng thế chấp nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay. Tài sản thế chấp là xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 67G1-796.58, số khung RLCUE3740MY095283 mang tên Bùi Thị Diễm .

Từ ngày quá hạn đến nay, Công ty TNHH M đã nhiều lần áp dụng các biện pháp cần thiết để đôn đốc thu hồi nợ nhưng bà D vẫn không thực hiện việc thanh toán. Do đó, Công ty TNHH M yêu cầu bà Bùi Thị D phải hoàn trả số tiền nợ gốc 13.832.174 đồng. Trường hợp bà D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH M yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 67G1-796.58, số khung RLCUE3740MY095283 mang tên Bùi Thị D để thu hồi khoản vay.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Bùi Thị D vắng mặt không rõ lý do. Bà D cũng không giao nộp văn bản ghi nhận ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo.

Tòa án ban hành Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số: 1107/2024/TB-TA ngày 12/8/2024 để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.

Công ty TNHH M có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, do các đương sự đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Theo Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư của Công an xã V ngày 02/8/2024, xác định: Bà Bùi Thị D, sinh ngày 01/01/1972 có nơi thường trú tại địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang.

Theo biên bản xác minh ngày 06/8/2024, đại diện Ban ấp V, xã V, huyện A cho biết: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ I, khu dân cư S, ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Bà D hiện nay đi làm ăn xa, chỉ trở về địa phương trong các dịp lễ, Tết.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố Tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M về xử lý tài sản thế chấp. Buộc bà Bùi Thị D trả cho Công ty TNHH M số tiền nợ gốc: 13.832.174 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện và tư cách tham gia tố tụng: Bà Bùi Thị D ký hợp đồng vay tiền với Công ty T2. Khoản nợ của bà D đã được Công ty TNHH M mua lại từ Công ty T2. Căn cứ Điều 68, Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định Công ty TNHH M có quyền khởi kiện và là nguyên đơn trong vụ án, bà Bùi Thị D là bị đơn.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH M kiện yêu cầu bà D thanh toán khoản nợ vay còn lại theo hợp đồng mà bà D đã ký kết với Công ty T2. Xét bà D là cá nhân, vay sử dụng vào mục đích tiêu dùng nên xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự, vay tài sản”, là tranh chấp dân sự; bị đơn cư trú tại: Ấp V, xã V, huyện A, tỉnh An Giang. Căn cứ các điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

[1.3] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà D vắng mặt không rõ lý do. Như vậy, bà D đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn Công ty TNHH M có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Về thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức, nội dung hợp đồng: Hợp đồng vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20211114 - 0943433 giữa bà Bùi Thị D với Công ty T2 được lập thành văn bản, hình thức vay tín chấp, có biện pháp bảo đảm; bà D có đủ năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, nên đảm bảo về mặt

hình thức. Nội dung Hợp đồng ghi nhận việc bà D nhận vay số tiền 23.210.000 đồng để sử dụng vào mục đích tiêu dùng, lãi suất 45 %/năm, thời hạn vay: 09 tháng. Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, quá hạn, cơ chế điều chỉnh lãi suất, thông tin cá nhân khách hàng và cam kết của các bên. Hợp đồng được ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và được pháp luật bảo vệ.

[2.2] Về nội dung tranh chấp:

Theo Công ty TNHH M tính đến ngày 05/4/2022, bà D đã thanh toán số tiền 12.396.000 đồng, còn nợ: Nợ gốc: 13.832.174 đồng, nợ lãi: 3.225.785 đồng. Nội dung này Tòa án đã thông báo nhưng bà D không có ý kiến. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định số tiền bà D còn nợ Công ty TNHH M: Nợ gốc: 13.832.174 đồng, nợ lãi: 3.225.785 đồng. Đến nay, bà D chưa thanh toán đầy đủ nợ gốc và lãi suất theo thỏa thuận là vi phạm hợp đồng, là có lỗi. Tuy nhiên Công ty TNHH M chỉ yêu cầu bà D trả vốn gốc mà không yêu cầu trả nợ lãi là có lợi cho bà D. Do đó chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH M, buộc bà D có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ vốn gốc còn lại là 13.832.174 đồng.

Về yêu cầu duy trì tài sản thế chấp: Công ty TNHH M có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[3] Về án phí: Do yêu cầu được chấp nhận nên Công ty TNHH M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Bùi Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch.

[4] Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH M và bà Bùi Thị D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 68, 186, 207, 217, 227, 228, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M.

1. Buộc bà Bùi Thị D có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền 13.832.174 (mười ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn một trăm bảy mươi bốn) đồng.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật và Công ty TNHH M có đơn yêu cầu thi hành án mà bà D không thi hành đầy đủ khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi, theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH M đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị D phải chịu 692.000 (sáu trăm chín mươi hai nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho Công ty TNHH M 324.000 (ba trăm hai mươi bốn nghìn) đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009750 ngày 22/7/2024.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt các đương sự. Thời hạn kháng cáo của Công ty TNHH M và bà Bùi Thị D là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Tuấn